

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/DS-ST
Ngày: 19/11/2020
V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tùng
2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1974,

Địa chỉ: 479/4 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1974 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1976,

Cùng địa chỉ: 136/2 ấp АД, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, địa chỉ: 479/4 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Lê Thanh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: 479/4 ấp Giang Hà, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 10 năm 2020.

Ông T, ông L và bà T cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn đồng thời là người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N ủy quyền ông Lê Thanh T trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị N có mở cửa hàng bán thức ăn, thuốc thủy sản để

nuôi tôm, chỉ buôn bán nhỏ nên không đăng ký kinh doanh. Vào năm 2015, ông có bán thức ăn, thuốc nuôi tôm cho vợ chồng ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T. Việc mua bán không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng, khi giao hàng ghi sổ và ký nhận, bên mua giữ hóa đơn, thỏa thuận thanh toán là khi kết thúc vụ nuôi. Thời gian đầu ông L và bà T có thanh toán và cũng có nợ lại. Đến năm 2018 giữa ông và vợ chồng ông L bà T chốt số nợ là 268.118.000 đồng và kết thúc việc mua bán. Từ lúc chốt nợ đến nay ông có yêu cầu trả nợ nhưng ông L và bà T không trả.

Tại tòa ông yêu cầu ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn, thuốc nuôi tôm là 268.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc mua bán là kinh tế chung của ông và bà N nên ông yêu cầu ông L và bà T trả tiền cho ông và bà N.

Khi mua bán hai bên có thỏa thuận chiết khấu với điều kiện người mua phải thanh toán tiền đúng hạn. Do ông L và bà T không thanh toán tiền đúng hạn nên không được hưởng chiết khấu.

Việc ông L và bà T yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng ông không đồng ý.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của ông Lê Thanh T về việc giữa ông và vợ ông là bà Đinh Thị T có mua thức ăn, thuốc thủy sản của ông T và bà N để nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình, về thỏa thuận mua bán, các giấy tờ tài liệu mà ông T cung cấp là đúng. Cụ thể là việc mua bán từ năm 2015, việc mua bán không làm hợp đồng, khi bán giao hàng, người mua ký vào sổ mua bán và nhận hóa đơn, thỏa thuận thanh toán là khi kết thúc vụ nuôi. Thời gian đầu nuôi có lợi nhuận nên vợ chồng ông trả tiền thức ăn đầy đủ, sau đó do nuôi thua lỗ nên có trả tiền và cũng có nợ lại.

Đến năm 2018 ông T và vợ chồng ông chốt số nợ là 268.000.000 đồng và vợ chồng ông không còn mua thức ăn của ông T nữa.

Tại tòa ông thống nhất vợ chồng ông có trách nhiệm liên đới trả cho ông T và bà N 268.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, nếu làm ăn thuận lợi có tiền thì sẽ trả thêm cho ông T.

Khi mua bán hai bên có thỏa thuận chiết khấu nhưng ông thừa nhận là khi người mua thanh toán nợ đúng hạn mới được chiết khấu, do vợ chồng ông còn nợ tiền chưa thanh toán nên không được hưởng chiết khấu.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Bà có chung lời trình bày với chồng bà là ông Lê Văn L. Bà thừa nhận vợ chồng bà có nợ tiền thức ăn, thuốc nuôi tôm của ông T là 268.000.000 đồng, đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng với chồng bà là ông L trả cho ông T và bà N số nợ gốc là 268.000.000 đồng, trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ, nếu làm ăn thuận lợi có tiền thì sẽ trả nợ thêm cho ông T.

Đối với việc chiết khấu bà thừa nhận do chưa thanh toán nợ đúng hạn nên không được hưởng chiết khấu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Lê Thanh T yêu cầu bị đơn ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T trả tiền nợ do mua thức ăn, thuốc nuôi tôm nhưng không trả nên đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T có nơi cư trú tại 479/4 ấp Giang Hà, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về nội dung: nguyên đơn Lê Thanh T, bị đơn ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T cùng thống nhất hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm từ năm 2015. Hợp đồng mua bán được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Ông T với ông L và bà T cùng thống nhất số tiền mà ông L và bà T còn nợ ông T và bà N khi hai bên kết thúc việc mua bán là 268.000.000 đồng; ông L và bà T đã vi phạm thời hạn thanh toán. Xét thấy, do ông L và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại tòa ông L và bà T đồng ý liên đới trả cho ông T và bà N số nợ 268.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh T, buộc bị đơn ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N 268.000.000 đồng.

[4] Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Ông L và bà T trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, ông L và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu trả dần này không được ông T chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu trả dần của ông L và bà T.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh T. Buộc ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N 268.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn L và bà Đinh Thị T có trách nhiệm liên đới chịu 13.400.000 đồng.

Ông Lê Thanh T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003157 ngày 02/10/2020.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRỊNH XUÂN TÙNG – DƯƠNG VĂN HAI

TRẦN THỊ LAN

